TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **75**/2023/DS-PT
Ngày 07 tháng 11 năm 2023.
V/v: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Vũ
Các thẩm phán: Ông Hoàng Tiến Dũng
Ông Bùi Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2023/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2023/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T S, tỉnh Phú Thọ có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2023/QĐXXPT-DS ngày 20 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Tổng Công ty giấy V N;
Địa chỉ trụ sở: X, phố L T K, phường P C T, quận H K, thành phố Hà Nội;
Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Công H - Tổng Giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Khổng Hồng Q - Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty Lâm nghiệp T S và ông Nguyễn Khắc L - chức vụ: Chuyên viên pháp chế - Tổng Công ty giấy V N (Theo Giấy ủy quyền số 3769/UQ-GVN.HN ngày 31/10/2023) (Đều có mặt).

2. Bị đơn: Anh Hoàng Minh H, sinh năm 1979 (Có mặt);
Địa chỉ: Khu Đ T, xã T C, huyện T S, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho Bị đơn: Ông Bùi Đức D - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía Bị đơn:
3.1 Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1978 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Khu Đ T, xã T C, huyện T S, tỉnh Phú Thọ;
3.2 Bà Hà Thị Y, sinh năm 1954 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Khu C 2, xã T C, huyện T S, tỉnh Phú Thọ.
Người đại diện theo ủy quyền cho chị T và bà Y: Anh Hoàng Minh H, sinh năm 1979 (Có mặt);

Địa chỉ: Khu Đ T, xã T C, huyện T S, tỉnh Phú Thọ.

Người kháng cáo: Bị đơn là anh Hoàng Minh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2022, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn, Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:

1.1. Về nguồn gốc và quyền sử dụng đất:

Tổng Công ty giấy V N là doanh nghiệp có vốn Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 256/TTg ngày 29/04/1995 của Thủ tướng Chính phủ theo mô hình tổng công ty Nhà nước. Công ty Lâm nghiệp T S được thành lập trên cơ sở sáp nhập từ Lâm trưởng T C, Lâm trường K S và Lâm trường T S vào năm 1999.

Ngày 31/3/1998, UBND tỉnh Vĩnh Phú (nay là tỉnh Phú Thọ) ban hành quyết định số 604/QĐ – UB về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Lâm trường T C Công ty nguyên liệu giấy Vĩnh Phú và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Lâm Trường T C (nay là Công ty Lâm nghiệp T S – sau đây viết tắt là Công ty T S) diện tích 3.483,0ha tại xã T C, huyện T S (nay là huyện T S).

Ngày 19/12/2011, UBND tỉnh Phú Thọ ban hành quyết định số 3991/QĐ-UBND v/v thu hồi một phần diện tích đất của Công ty lâm nghiệp T S – Tổng Công ty giấy V N trên địa bàn huyện T S. Cụ thể, tại quyết định đã thu hồi và giao cho UBND xã T C quản lý diện tích đất là 32.620.279,7m^2 tại địa bàn xã T C.

1.2. Về Quá trình sử dụng đất và tranh chấp phát sinh:

Kể từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến năm 2020, Công ty T S tự trồng rừng và giao cho đội sản xuất cùng hợp tác, giao khoán với nhân dân ở địa phương trồng và chăm sóc theo kế hoạch của Công ty. Cụ thể: Từ năm 2005 - 2012, Công ty T S tự trồng rừng tập trung; Từ năm 2013 – 2021, Hợp đồng giao nhận khoán đất trồng rừng với hộ anh Hoàng Minh H. Từ đầu năm 2021 (sau khi Công ty T S thu hoạch cây theo hợp đồng giao khoán) cho đến nay, anh H đã trồng khoảng 2,1ha đất tại lô 03, khoảnh 34 khe Giang, Khu Đ T xã T C. Công ty đã phối hợp với UBND xã T C, huyện T S giải thích, vận động và yêu cầu hộ trả lại đất cho Công ty nhưng hộ dân không đồng ý và tiếp tục sử dụng đất trái phép cho đến nay.

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ đã xác định diện tích đất lâm nghiệp hộ anh H đang sử dụng của Công ty T S được giao có diện tích là 27.163,9m^2. Diện tích đất khác nhau giữa yêu cầu khởi kiện với thực tế sử dụng đất của anh H khi xem xét, thẩm định tại chỗ là vì: Diện tích 2,1ha là số đo của thiết kế khi Công ty T S trồng rừng, và thuộc lô 3, khoảnh 34 của Bản đồ thiết kế trồng rừng của Công ty T S. Phần diện tích đất thừa ra, là đất hành lang ven Suối và đất dốc (thuộc vùng đệm bảo tồn sinh học, Công ty T S không thiết kế trồng rừng). Nay, Nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện yêu cầu hộ anh H trả lại toàn bộ 27.163,9m^2 đất hiện nay đang sử dụng cho Công ty T S. Khi anh H trồng cây vào đất của Công ty T S, nhiều lần Công ty T S yêu cầu anh H không được trồng cây và trả lại đất cho Công ty, nhưng anh H không trả. Do đó, yêu cầu hộ anh H phải tự khác thác, thu hoạch cây trên đất để trả lại đất cho Công ty T S.

1.3. Yêu cầu của Nguyên đơn: *Yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T S buộc anh H và những người liên quan trả lại cho Công ty 27.163,9m^2 đất đã lấn chiếm*

tại khe Giang, Khu Đ T, xã T C (thuộc lô 3, khoảnh 34 của Bản đồ thiết kế trồng rừng của Công ty T S; Đối với tài sản trên đất: Yêu cầu hộ tự phát, dọn để trả lại mặt bằng cho Công ty.

[2]. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Hoàng Minh H trình bày:

2.1. Nguồn gốc đất, quá trình sử dụng và tranh chấp phát sinh: Trước năm 1978 – 1979, bố mẹ của ông S – bà Y đã khai hoang, sử dụng đất. Sau năm 1979 ông S, bà Y vào làm trại và sử dụng đất. Năm 1996, ông S bà Y trồng rừng theo Dự án 327. Sau đó, ông S, bà Y cho Công ty T S mượn đất để trồng rừng tập trung. Đến năm 2013, ông S, bà Y không làm nữa mà cho anh H đứng ra ký kết hợp đồng liên doanh với Công ty T S (theo hợp đồng Công ty T S đã cung cấp).

Đầu năm 2021, sau khi kết thúc Hợp đồng với công ty T S gia đình anh H không hợp đồng với Công ty T S nữa mà tự trồng cây Keo, Bồ đề, Trầu đồng thời bảo vệ một số cây gia đình đã trồng từ trước (theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ).

2.2. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Gia đình anh chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Gia đình không biết Công ty T S được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất mà gia đình đang sử dụng.

2.3. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: *Bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với tài sản trên đất, trong trường hợp đất thuộc quyền sử dụng của Công ty Lâm nghiệp T S và buộc Bị đơn trả lại đất cho Công ty T S gia đình sẽ tự thu hoạch cây trồng trên đất.*

[3]. Quan điểm của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Y, chị T nhất trí với quan điểm của bị đơn.

Bản án Dân sự sơ thẩm số: 07/2023/DS - ST ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T S, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 166; khoản 1 Điều 167 của Luật đất đai năm 2013; Điều 163, 164 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện đòi lại quyền sử dụng đất lâm nghiệp của Tổng Công ty giấy V N - Người đại diện theo ủy quyền là ông Khổng Hồng Quân – chức vụ: Phó giám đốc Công ty Lâm nghiệp T S, ông Nguyễn Khắc Long – chuyên viên pháp chế Tổng Công ty giấy V N đối với anh Hoàng Minh H.

2. Buộc anh Hoàng Minh H, chị Hoàng Thị T, bà Hà Thị Y phải trả lại cho Tổng Công ty giấy V N thửa đất lâm nghiệp có diện tích 27.163,9 m^2 tại khe Giang, Khu Đ T, xã T C, huyện T S, tỉnh Phú Thọ mà Lâm trường T S – Công ty Nguyên liệu Giấy Vĩnh Phú (nay là Chi nhánh Công ty Lâm nghiệp T S trực thuộc Tổng Công ty giấy V N) được UBND tỉnh Vĩnh Phú (nay là tỉnh Phú Thọ) giao cho tại Quyết định số: 604/QĐ-UB và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/3/1998.

Cụ thể như sau: Tính từ ngoài vào trong theo con đường lâm nghiệp được xác định: Từ khe nhỏ tiếp giáp với phần đất Công ty Lâm nghiệp T S đang sử

dụng đến khe nhỏ tiếp giáp với phần đất Công ty Lâm nghiệp T S đang sử dụng; phía trên giáp đất Công ty T S đang sử dụng; phía dưới giáp Suối theo các chỉ giới 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,1=27.163,9m^2
trên đất phía giáp Suối có 01 con đường lâm nghiệp (do Công ty Lâm nghiệp T S làm) có chiều rộng 5m.*(Có Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất của hộ ông Hoàng Minh H kèm theo)*

3. Buộc anh Hoàng Minh H, chị Hoàng Thị T, bà Hà Thị Y phải khai thác cây trồng và tháo dỡ tài sản trên 27.163,9m^2 đất khi trả lại cho Tổng Công ty giấy V N gồm: Cây Bồ đề trồng hạt 01 năm: 300 cây; Cây Keo trồng hạt 01 năm: 200 cây; Cây Trẩu trồng hạt 01 năm tuổi: 200 cây; Cây Mít, vanh 200cm: 01 cây; Cây Bưởi, vanh 40cm: 01 cây; Cây Trẩu, vanh trung bình 30cm: 100 cây; Cây Cọ, vanh 100cm: 10 cây; Cây Keo, vanh trung bình 30cm: 100 cây. Và tháo dỡ hàng rào bằng thân cây Vầu cao khoảng 1m, chạy theo chân đồi tiếp giáp với đường lâm nghiệp: Dài 50m. Tại biên bản định giá ngày 19/4/2023 đã xác định toàn bộ tài sản trên đất trị giá 35.543.800 đồng (ba mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm đồng).

Bản án còn tuyên về chi phí thẩm định, án phí, quyền thi hành án và các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06 tháng 9 năm 2023 anh Hoàng Minh H là bị đơn kháng cáo.

Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm, hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm và không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty giấy V N.

Tại phiên tòa phúc thẩm đương sự có kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đơn kháng cáo của đương sự đúng hạn luật định. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng nguyên tắc, các bên đương sự đều thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung đại diện VKS đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Đề nghị không chấp nhận nội dung kháng cáo của các bị đơn, giữ nguyên Bản án số 07/2023/DS - ST ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T S, tỉnh Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Về nguồn gốc đất và đánh giá về quyền sử dụng đất tranh chấp:

Ngày 31/3/1998, Lâm trường T C – Công ty Nguyên liệu Giấy Vĩnh Phú (nay là chi nhánh Công ty Lâm nghiệp T S trực thuộc Tổng Công ty giấy V N) được UBND tỉnh Vĩnh Phú (nay là tỉnh Phú Thọ) giao quyền sử dụng diện tích 3.483,0ha tại xã T C, huyện T S (nay là huyện T S) theo Quyết định số: 604/QĐ-

UB và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I800450 ngày 31/3/1998 (bút lục số: 01, 02). Thời hạn 50 năm; Mục đích: Chuyên dùng sản xuất lâm nghiệp.

Ngày 19/12/2011, UBND tỉnh Phú Thọ ban hành Quyết định số 3991/QĐ-UBND về việc thu hồi một phần diện tích đất của Công ty lâm nghiệp T S – Tổng Công ty giấy V N trên địa bàn huyện T S. Cụ thể, tại quyết định đã thu hồi của Công ty Lâm nghiệp T S và giao cho UBND xã T C quản lý diện tích đất là 32.620.279,7m^2 tại địa bàn xã T C (bút lục số 02a, 02b).

Tại văn bản số 1595/TNMT-QLĐĐ ngày 22/6/2023 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Phú Thọ đã cung cấp "*Ngày 28/11/1997, Lâm trường T C có đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 3.483,0ha thuộc xã T C kèm theo Biểu thống kê diện tích đất giao cho Lâm trường, các Biên bản giao nhận đất trên thực địa giữa UBND xã và Lâm trường. Ngày 05/12/1997, UBND huyện T S (nay là huyện T S) có Tờ trình số 67/TT-UB về việc xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Lâm trường T C. Ngày 28/3/1998, sở Địa chính (nay là Sở tài nguyên và môi trường) có Tờ trình số 168/TT-CGCN-QSDĐ gửi UBND tỉnh đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Lâm trường T C – Công ty nguyên liệu Giấy Vĩnh phú. Trên cơ sở hiện trạng sử dụng đất của Lâm trường T C và Tờ trình của UBND huyện, của Sở tài nguyên và môi trường kèm các hồ sơ tài liệu đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Lâm trường T C. UBND tỉnh Phú Thọ ban hành Quyết định số 604/QĐ-UB ngày 31/3/1998 về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Lâm trường T C với diện tích là 3.483.0ha nằm trên địa bàn xã T C là đúng thẩm quyền theo quy định của Luật đất đai*".

Vì vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc UBND tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Lâm trường T C – Công ty Giấy Vĩnh Phú là đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Do đó, Lâm trường T C (nay là Công ty Lâm nghiệp T S) có quyền sử dụng đối với 3.483,0ha đất (hiện nay UBND tỉnh Phú Thọ đã thu hồi 32.620.279,7m^2) là hợp pháp.

Sau khi được giao đất, Lâm trường T C (nay là Công ty Lâm nghiệp T S) thực hiện quyền của người sử dụng đất theo quy định và theo kế hoạch của Công ty nguyên liệu Giấy Vĩnh Phú (nay là Tổng Công ty giấy V N) trồng cây nguyên liệu giấy. Từ năm 2005 - 2012, Công ty T S tự trồng rừng tập trung.

Anh H cho rằng, năm 1997 bố mẹ vợ anh là ông S, bà Y đã trồng cây theo dự án 327, sau đó cho Lâm trường T C mượn đất để trồng rừng tập trung nhưng không đưa ra được căn cứ.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/4/2023 xác định: Vị trí thửa đất hộ anh H đang sử dụng tại khe Giang, Khu Đ T, xã T C, huyện T S, tỉnh Phú Thọ có diện tích là 27.163,9m^2 nằm trong lô 2S (ký hiệu s: là ký hiệu rừng trông Bồ đề), khoảnh 4, tiểu khu 116 diện tích 18,8ha của Bản đồ giao đất lâm nghiệp thuộc quyền sử dụng đất của Công ty Lâm nghiệp T S. Tiếp giáp với lô 2S là: lô 3S diện tích 6,8ha thuộc khoảnh 5 tiểu khu 116; khoảnh 4 và khoảnh 7 tiểu khu 116 đều thuộc quyền sử dụng đất của Công ty Lâm nghiệp T S và không nằm trong phần diện tích đất mà UBND tỉnh Phú Thọ đã quyết định thu hồi của Công ty Lâm nghiệp T S – Tổng Công ty giấy V N (bút lục 154, 155, 156).

Công ty Lâm nghiệp T S đã được cơ quan có thẩm quyền giao quyền sử

dụng đất theo Quyết định số: 604/QĐ-UB và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I800450 ngày 31/3/1998, diện tích 3.483,0ha với thời hạn sử dụng 50 năm từ ngày 01/01/1996. Vị trí này không nằm trong phần diện tích đất mà UBND tỉnh Phú Thọ đã thu hồi tại Quyết định số 3991/QĐ-UBND ngày 19/12/2011. Công ty lâm nghiệp T S đã canh tác trồng cây từ năm 2005 đến cuối năm 2020 nên được hưởng các quyền lợi của Người sử dụng đất và được bảo vệ trong quá trình sử dụng đất.

Bị đơn xác định đã sử dụng đất rừng tại khu vực khe Giang, Khu Đ T, xã T C, huyện T S từ năm 1986-1987 để trồng cây và không biết việc Công ty T S được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Xét thấy, từ năm 1998 Lâm trường T C – Công ty nguyên liệu giấy Vĩnh Phú đã được UBND tỉnh Vĩnh Phú quyết định giao quyền sử dụng đất tại xã T C diện tích là 3.483,0ha trong đó có 27.163,9 m^2 mà bị đơn đang canh tác nên tại vị trí này cơ quan có thẩm quyền không có quyền lập hồ sơ để giao cho tổ chức, cá nhân khác.

Mặt khác, gia đình Bị đơn là người khai hoang, sử dụng đất trước tuy nhiên từ khi sử dụng đất gia đình Bị đơn không làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi Lâm trường T C được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tiến hành sử dụng đất gia đình Bị đơn không có ý kiến gì. Đồng thời, Bị đơn thừa nhận từ năm 2005 đến năm 2013 Công ty Lâm nghiệp T S trồng rừng tập trung và từ năm 2014 – 2021, Công ty T S đã ký kết Hợp đồng giao nhận khoán đất trồng rừng với anh Hoàng Minh H.

Bị đơn cho rằng không biết Lâm trường T C (nay là Công ty Lâm nghiệp T S) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này là khai không đúng.

Bị đơn không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các giấy tờ liên quan về đất đai theo quy định tại Điều 50 Luật Đất đai 2003; Điều 100 Luật Đất đai 2013 và các điều kiện sử dụng đất theo quy định tại Điều 101 của Luật Đất đai năm 2013 nên không có quyền sử dụng đất hợp pháp.

Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 163, khoản 2 Điều 164 của Bộ luật Dân sự; Điều 166, 167 của Luật Đất đai thì nguyên đơn có quyền của người sử dụng đối với 27.163,9 m^2 tại khu vực khe Giang, Khu Đ T, xã T C, huyện T S mà hiện nay Bị đơn đang sử dụng. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn 27.163,9 m^2 đất đã lấn chiếm là phù hợp.

Từ những phân tích nêu trên nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận nội dung khởi kiện là đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ.

Như vậy xuyên suốt vụ án chứng cứ đã được thu thập đầy đủ, được đánh giá chính xác trên cơ sở pháp luật nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[3] Quan điểm của người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn là có cơ sở pháp lý nên được chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ là có cơ sở nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bị đơn là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và có yêu cầu xin miễn tiền án phí, nên miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm cho bị đơn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của anh Hoàng Minh H;

Giữ nguyên Bản án dân sự số 07/2023/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T S, tỉnh Phú Thọ.

[1]. Căn cứ Điều 50 Luật Đất đai 2003; khoản 5 Điều 166; khoản 1 Điều 167 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ các Điều 163, 164 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện đòi lại quyền sử dụng đất lâm nghiệp của Tổng Công ty giấy V N - Người đại diện theo ủy quyền là ông Khổng Hồng Q - chức vụ: Phó giám đốc Công ty Lâm nghiệp T S, ông Nguyễn Khắc L - chuyên viên pháp chế Tổng Công ty giấy V N đối với anh Hoàng Minh H.

1.2. Buộc anh Hoàng Minh H, chị Hoàng Thị T, bà Hà Thị Y phải trả lại cho Tổng Công ty giấy V N thửa đất lâm nghiệp có diện tích 27.163,9 m^2 tại khe Giang, Khu Đ T, xã T C, huyện T S, tỉnh Phú Thọ mà Lâm trường T S - Công ty Nguyên liệu Giấy Vĩnh Phú (nay là Chi nhánh Công ty Lâm nghiệp T S trực thuộc Tổng Công ty giấy V N) được UBND tỉnh Vĩnh Phú (nay là tỉnh Phú Thọ) giao cho tại Quyết định số: 604/QĐ-UB và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/3/1998.

Cụ thể như sau: Tính từ ngoài vào trong theo con đường lâm nghiệp được xác định: Từ khe nhỏ tiếp giáp với phần đất Công ty Lâm nghiệp T S đang sử dụng đến khe nhỏ tiếp giáp với phần đất Công ty Lâm nghiệp T S đang sử dụng; phía trên giáp đất Công ty T S đang sử dụng; phía dưới giáp Suối theo các chỉ giới 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,1=27.163,9m^2
trên đất phía giáp Suối có 01 con đường lâm nghiệp (do Công ty Lâm nghiệp T S làm) có chiều rộng 5m *(Có Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất của hộ ông Hoàng Minh H kèm theo bản án sơ thẩm).*

1.3. Buộc anh Hoàng Minh H, chị Hoàng Thị T, bà Hà Thị Y phải khai thác cây trồng và tháo dỡ tài sản trên diện tích 27.163,9m^2 đất khi trả lại cho Tổng Công ty giấy V N gồm: Cây Bồ đề trồng hạt 01 năm: 300 cây; Cây Keo trồng hạt 01 năm: 200 cây; Cây Trẩu trồng hạt 01 năm tuổi: 200 cây; Cây Mít, vanh 200cm: 01 cây; Cây Bưởi, vanh 40cm: 01 cây; Cây Trẩu, vanh trung bình 30cm: 100 cây; Cây Cọ, vanh 100cm: 10 cây; Cây Keo, vanh trung bình 30cm: 100 cây. Và tháo dỡ hàng rào bằng thân cây Vầu cao khoảng 1m, chạy theo chân đồi tiếp giáp với đường lâm nghiệp: Dài 50m.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào điểm đ, khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm cho bị đơn.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện T S;
- TAND huyện T S;
- Chi cục THADS huyện T S;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Vũ